TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2024/DS-PT
Ngày: 19-8-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 307/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Quang Q, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số D, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Là đại diện của H kinh doanh Đặng Quang Q; Địa điểm kinh doanh tại ấp B, xã M (nay là xã T), huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 50L.000.739HKD, đăng ký lần đầu ngày 06/7/2009.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn M, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 02 năm 2024 và ngày 09 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn ông Đặng Quang Q cùng những lời trình bày:

Ông Đặng Quang Q là đại diện của H kinh doanh Đặng Quang Q, địa điểm kinh doanh tại ấp B, xã M (nay là xã T), huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 50L.000.739HKD, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 7 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh gồm: bán đồ điện, đồ nước, đồ nhựa, đồ sắt, dụng cụ phục vụ lao động, chăn nuôi, bách hóa, tổng hợp. Ngày 17 tháng 8 năm 2011, ông có lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M. Trong quá trình hai bên mua bán thức ăn chăn nuôi thì hai vợ chồng ông M, bà L có nhiều lần thanh toán tiền cho cửa hàng của ông nhưng không đủ tiền thức ăn đã mua. Từ ngày 25 tháng 4 năm 2016 ông M và bà L không trả tiền thức ăn chăn nuôi cho ông nữa. Theo tờ giấy viết tay ghi nhận mua bán giữa hai bên thì vợ chồng ông M, bà L còn nợ số tiền 33.373.000 đồng. Nay ông Q yêu cầu ông M và bà L trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ là 33.373.000 đồng. Tuy nhiên, qua đối chiếu lại sổ sách thì có sai sót trong tính toán nên xác định chỉ yêu cầu ông M và bà L trả cho ông số tiền 29.213.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán thức ăn thì nếu bên mua chậm thanh toán tiền thức ăn chăn nuôi thì phải chịu lãi, do đó ông Q khởi kiện bổ sung yêu cầu ông M và bà L phải trả số tiền lãi với lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 02 tháng 5 năm 2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà L có lời trình bày như sau: Bà L đồng ý với lời trình bày của ông Q về thời điểm giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi là vào khoảng cuối năm 2011 đến năm 2012. Trong quá trình mua bán, ông Q giao thức ăn và vợ chồng bà trả tiền đầy đủ, hoặc ghi sổ rồi trả sau. Sau đó, vợ chồng bà không mua thức ăn của cửa hàng ông Q nữa, ngày 02 tháng 5 năm 2014 bà và ông Q chốt nợ theo Giấy "Chỉnh sai" thì tổng nợ không tính lãi là 89.213.000 đồng. Ngày 02 tháng 5 năm 2014, bà có trả số tiền 10.000.000 đồng, ngày 21 tháng 6 năm 2014 trả số tiền 20.000.000 đồng, ngày 21 tháng 8 năm 2014 trả 20.000.000 đồng, ngày 25 tháng 4 năm 2015 trả số tiền 10.000.000 đồng. Sau ngày 25 tháng 4 năm 2015 bà có trả cho ông Q số tiền 10.000.000 đồng (không nhớ rõ ngày tháng năm trả tiền) nhưng ông Q không ký nhận số tiền này nên bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 10.000.000 đồng này. Như vậy, tổng cộng bà đã trả cho ông Q số tiền 70.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 02 tháng 02 năm 2024, được biết quá trình tính toán ông Q đã tính sai 2.000.000 đồng nên bà xác định chỉ còn nợ số tiền 17.213.000 đồng. Vì vậy, không đồng ý với yêu cầu của ông Q yêu cầu bà và ông M trả số tiền gốc là 29.213.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi thì bà không đồng ý trả lãi vì khi chốt nợ, ông Q đã ghi "không tính lãi" trong Giấy "Chỉnh sai". Quá trình giao dịch mua bán với bà, ông Q có một cuốn sổ ghi chép nội dung tôi mua bán bao nhiêu thức ăn, trả tiền và ngày trả tiền nhưng ông Q không cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn ông Trần Văn M có lời trình bày tại tờ trình ngày 24 tháng 01 năm 2024 như sau: Ông không có giao dịch mua với ông Q, chỉ có bà L trực tiếp giao dịch với ông Q. Vì vậy, ông M xin vắng mặt vì ông không biết gì về giao dịch giữa bà L và ông Q.

Người làm chứng bà P do bị đơn cung cấp trình bày: Khoảng năm 2014 khi bà trên đường đi làm về khoảng 03 đến 04 giờ, khi đi ngang cửa hàng của ông Q bà có nghe bà L la lên rằng bà đã trả tiền vợ chồng ông Q nhận tiền

nhưng không ký sổ cho bà, ngoài ra bà không chứng kiến việc giao nhận tiền và cũng không biết sự việc cụ thể, vài ngày sau có gặp bà L có hỏi thì được nghe bà L kể lại sự việc trả tiền mua thức ăn chăn nuôi, ngoài ra bà không chứng kiến hoặc biết thêm sự việc gì.

Vụ án đã được Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về tất cả các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi và thay đổi yêu cầu tính lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 02 tháng 5 năm 2014 đến ngày xét xử sơ thẩm; bị đơn bà L vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 357, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q về "Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi" đối với ông M và bà L.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q về yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02/5/2014 đến ngày 25/4/2015, số tiền 2.854.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Buộc ông M và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 29.213.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 26.393.000 đồng, tổng cộng là 55.606.000 (năm mươi lăm triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông M và bà L phải liên đới chịu 2.780.000 (hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

Buộc ông Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; khấu trừ 2.154.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009425 ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; hoàn trả cho ông Q số tiền tạm ứng án phí 1.854.000 (một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, bị đơn bà L và ông M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bà L đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 17.213.000 đồng, ông M không đồng ý liên đới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà L xin xét xử vắng mặt có lời trình bày tại đơn kháng cáo: Bà L chỉ đồng ý trả cho ông Q số tiền 17.213.000 đồng vì sau ngày 25/4/2014 bà có trả cho ông Q 10.000.000 đồng và ông Q tính sai 2.000.000 đồng nên yêu cầu trừ vào số tiền nợ 29.213.000. Việc mua thức ăn do bà L trực tiếp mua và chăn nuôi phục vụ nhu cầu cho gia đình, ông M hoàn toàn không biết. Năm 2011 hai bên có ký hợp đồng mua thức ăn nhưng sau đó ngừng giao dịch và năm 2014 bà L mua thức ăn lại không áp dụng hợp đồng năm 2011, hai bên không thỏa thuận tính tiền lãi vì giá mua nợ ông Q tính giá cao hơn giá trả tiền mặt.

Ông M xin xét xử vắng mặt có lời trình bày tại đơn kháng cáo: Ông M không đồng ý liên đới vì việc mua thức ăn ông hoàn toàn không giao dịch và biết.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Q có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L và ông M. Ông M và bà L vào năm 2011 có ký hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi, hai bên thỏa thuận nếu ngừng mua hàng thì tính lãi suất 4%/tháng, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm ông đồng ý tính lãi theo quy định nhưng thời gian tính lãi là ngày 26/4/2015, ông không đồng ý vì theo hợp đồng thời gian bà L ngừng mua thức ăn là sau ngày 17/02/2014. Do ông Q nghĩ rằng bà L đã kháng cáo nên ông Q sẽ được trình bày yêu cầu của mình tại cấp phúc thẩm mà không hiểu là phải làm đơn kháng cáo. Bà L hoàn toàn không có trả số tiền 10.000.000 đồng, ngày bà L tranh cãi lý do là mang đến trả 5.000.000 đồng nhưng ông Q không nhận mà yêu cầu trả đủ nên bà L bức xúc lý do trả tiền mà không nhận. Ngoài ra không có việc tính sai 2.000.000 đồng. Nên yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 02/5/2014 trên số tiền nợ 29.213.000 đồng đến ngày xét xử.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đúng quy định tại các Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà L thừa nhận có việc mua thức ăn của ông Q, hai bên thống nhất số tiền còn nợ là 29.213.000 đồng, tuy nhiên bà L trình bài sau ngày 25/4/2014 bà có trả cho ông Q 10.000.000 đồng và ông Q tính sai 2.000.000 đồng nên yêu cầu trừ vào số tiền nợ 29.213.000. Chứng cứ bà L cung cấp là nhân chứng bà P trình bày có thấy bà L la làng trước nhà ông Q còn nội dung cụ thể như thế nào thì chỉ nghe bà L kể lại chứ hoàn toàn không chứng kiến nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với kháng yêu cầu không tính tiền lãi, tại Hợp đồng năm 2011 do ông M ký tên có thỏa thuận về tiền lãi, tại chứng cứ giấy nợ bản chính ngày trả nợ cuối cùng 25/4/2016 mâu thuẫn với giấy chỉnh sửa ghi ngày 25/4/2015, đối

chiếu theo logic thời gian trả nợ thì giấy bản chính ghi ngày 25/4/2016 có căn cứ chấp nhận nên cần điều chỉnh thời gian trả tiền lãi từ ngày 26/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với kháng cáo không đồng ý liên đới, năm 2011 hợp đồng mua bán do ông M là chồng bà L ký tên, bà L thừa nhận chăn nuôi phục vụ nhu cầu thiết yếu cho gia đình nên cấp sơ thẩm buộc liên đới là phù hợp.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà L và ông M kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bà L và ông M về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Các bên đương sự đều thống nhất việc mua bán thức ăn chăn nuôi được thực hiện nhiều lần và thời điểm chốt nợ là vào ngày 02/5/2014. Theo giấy "Chỉnh sai" do bà L cung cấp thì đến ngày 25/4/2015 số tiền nợ còn lại là 29.213.000 đồng, phù hợp với số tiền nợ theo trình bày của ông Q. Bà L cho rằng sau ngày 25/4/2015, bà có trả thêm số tiền 10.000.000 đồng nhưng ông Q không ký nhận và bà cung cấp lời trình bày của bà Nguyễn Thị P1 để chứng minh cho lời trình bày của bà. Tuy nhiên, lời trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị P1 chỉ nghe bà L la lên, chứ bà P1 không trực tiếp chứng kiến bà L giao tiền cho ông Q, bà P1 biết về sự việc cũng qua lời kể của bà L, bà P1 hoàn toàn không biết gì về giao dịch giữa bà L và ông Q. Như vậy, lời trình bày của bà L yêu cầu cấn trừ số tiền 10.000.000 đồng đã trả và tính nhầm số tiền 2.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Theo theo giấy "Chỉnh sai" là tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp phù hợp với số tiền còn nợ mà ông Q yêu cầu nên có cơ sở xác định số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ là 29.213.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

[3.1] Đối với kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng mua bán thức ăn số 17811 ngày 17/8/2011 có nội dung "mọi sự giao dịch hay chứng từ, hóa đơn mua bán thức ăn chăn nuôi của hai bên kể từ nay về sau đều được căn cứ áp dụng vào hợp đồng này để giải quyết tranh chấp nếu có". Hợp đồng do ông M ký tên và có thỏa thuận tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, do bà L không thống nhất về tiền lãi nên cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có căn cứ. Tuy nhiên, tại giấy ghi nợ bản gốc ghi ngày trả tiền cuối của bà L là ngày 25/4/2016, việc ông Q ghi lại giấy chỉnh sai thành 25/4/2015 nên cấp sơ thẩm tính lãi ngày 26/4/2015 là mâu thuẫn với giấy nợ bản chính; mặc khác đối chiếu thời gian trả nợ ngày 02/5/2014 và ngày 21/6/2014, ngày 24/8/2015 thì ngày tiếp theo là ngày

25/4/2016 phù hợp và logic hơn thời gian ngày 25/4/2015. Vì vậy, cần điều chỉnh thời gian trả lãi từ ngày 26/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 8/5/2024 là 08 năm 13 ngày. Số tiền lãi được tính là 29.213.000.000 đồng x 10/năm x 08 năm 13 ngày = 23.473.000 đồng.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của ông M, chấp nhận một phần kháng cáo của bà L. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông M không được chấp nhận nên ông M phải chịu theo Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp. Kháng cáo của L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn M.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 357, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quang Q về "Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi" đối với ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị L.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quang Q về yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02/5/2014 đến ngày 25/4/2015, số tiền 2.854.000 (hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Quang Q số tiền mua thức ăn còn nợ là 29.213.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 23.473.000 đồng. Tổng cộng là 52.686.000 (năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu 2.634.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Buộc Ông Đặng Quang Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.154.000 (hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009425 ngày 09/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; hoàn trả cho ông Đặng Quang Q đại diện số tiền tạm ứng án 1.854.000 (một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Trần Văn M đã nộp theo biên lai thu số 0009524 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0009525 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền